

Số: **07** /2018/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày **22** tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 891/TTr-SNV ngày 17/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/7/2018 và thay thế Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng.

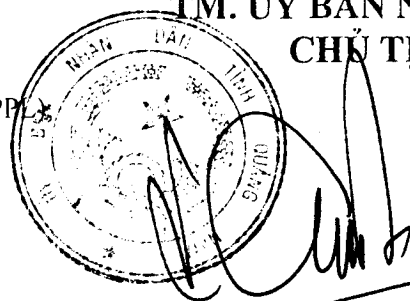
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KT VB QPPL);
- TT TU, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Ban TĐKT;
- CPVP;
- Lưu: VT, HCTC, NC.

D:\Dropbox\Ngoc Anh\Nam 2018\VTĐKT\Quyết định ban hành Quy chế.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu

QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định hồ sơ, thủ tục khen thưởng, thời gian xét khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua và được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; việc xử lý các trường hợp vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi tắt các cơ quan, đơn vị, địa phương), gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

2. Người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải trên cơ sở cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu các phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất; chú trọng khen thưởng tập thể, cá nhân là

người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và cá nhân có nhiều sáng kiến trong lao động, công tác.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

a) Đối với cá nhân là Thủ trưởng (Giám đốc) các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy), Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc (Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị) các doanh nghiệp chỉ trình khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm trình khen thưởng phải đạt được các danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên.

b) Các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các doanh nghiệp: Không xem xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc, trực thuộc nếu tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương đó không đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và không đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trở lên khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương do cá nhân đó lãnh đạo trong năm đề nghị khen thưởng không đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (trừ trường hợp cơ quan, đơn vị đó không thuộc đối tượng công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”).

c) Đối với cấp phó người đứng đầu được ủy quyền phụ trách (điều hành) khi người đứng đầu bị ốm hoặc đi học, ... từ 6 tháng trở lên trong năm thực hiện nguyên tắc khen thưởng như người đứng đầu được quy định tại Điểm a, b thuộc Khoản này.

3. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

4. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

5. Khen thưởng phải đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn quy định, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất không nhất thiết phải khen theo trình tự từ thấp đến cao; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn.

6. Đối với khen thưởng theo đợt, chuyên đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì phải có chủ trương khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề do Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động thì Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng hoặc do các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể theo ngành dọc cấp tỉnh khen thưởng; trường hợp có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương trên địa bàn tỉnh mới đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

7. Đối với khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được, cụ thể:

a) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến).

b) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 01 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và 01 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được) cho một tập thể hoặc một cá nhân; trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng theo đợt, chuyên đề.

c) Các tập thể, cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động các hạng (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được) thì sau 02 năm nếu đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định mới tiếp tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (trừ các danh hiệu, hình thức khen thưởng hàng năm theo cụm, khối thi đua và khen thưởng chuyên đề, đột xuất).

d) Trong 01 năm, một tập thể hoặc cá nhân chỉ được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 02 Bằng khen (bao gồm khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, khen thưởng theo đợt, chuyên đề); trừ khen thưởng đột xuất.

8. Không khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với các cá nhân sau:

a) Đã nghỉ và hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật tiếp tục tham gia công tác trong các tổ chức hội, chỉ thực hiện việc khen thưởng thành tích tiêu biểu xuất sắc, nổi trội khi kết thúc nhiệm kỳ, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đột xuất.

b) Người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị, địa phương không thuộc trong diện biên chế được giao.

9. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đột xuất không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước và cấp tỉnh. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, đột xuất được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

10. Việc xét khen thưởng phải được thực hiện qua bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên Hội đồng; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu để tổng hợp.

Trường hợp đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên; các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

Việc bình xét các danh hiệu thi đua của cá nhân phải có sự đánh giá, so sánh cụ thể giữa các lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương; giữa lãnh đạo cấp phòng và tương đương; giữa chuyên viên, nhân viên (cụ thể do cơ quan, đơn vị, địa phương quy định).

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, đơn vị, địa phương. Cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ phát động thi đua theo đợt (chuyên đề) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua cho Ủy ban nhân dân tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ để theo dõi.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức, triển khai các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý với các nội dung sau:

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cùng cấp trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến, Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quản lý và khuyến khích hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp tỉnh thì xét, đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng, Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng với các hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Đối với tập thể: “Cờ thi đua của Chính phủ”; “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”; “Tập thể lao động tiên tiến”; “Đơn vị tiên tiến”; Thôn (Khối phố,...) văn hoá.

3. Đối với hộ gia đình: “Gia đình văn hoá”.

Điều 10. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội.

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

4. Thời gian, điều kiện công tác để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

d) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị, địa phương mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị, địa phương điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

đ) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”.

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Riêng đối với cá nhân thuộc đơn vị lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trong thời gian đó có ít nhất 01 đề tài, sáng kiến được Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh công nhận.

2. Ngoài đạt những tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều này và nguyên tắc khen thưởng quy định tại Điều 4, Quy chế này, các đối tượng sau đây khi đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải đảm bảo điều kiện sau:

a) Đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong năm đề nghị khen thưởng phải được cấp có thẩm quyền đánh giá phân loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác.

b) Đối với cá nhân là lãnh đạo các tổ chức kinh tế: Trong năm đề nghị khen thưởng, đơn vị phải hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thực hiện kịp thời đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh công nhận, đã được làm căn cứ để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” do Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh xem xét, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị phong tặng sau năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai; trong năm đề nghị phải được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và được phân loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trường hợp không được các cấp thống nhất đề nghị thì năm sau không xem xét lại.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, bao gồm các tập thể:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng cho các phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc, trực thuộc Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; các phòng và tương đương thuộc ban, chi cục và tương đương trực thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; các đơn vị trực thuộc chi cục và tương đương (Hạt, đội, trạm, trung tâm,... đơn vị có tư cách pháp nhân).

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng cho các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy), Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể cấp huyện; tập thể cán bộ, công chức xã (phường, thị trấn); các phòng và tương đương thuộc, trực thuộc đơn vị sự nghiệp cấp huyện và tương đương (Phòng Hành chính - Tổ chức, phòng Tài vụ, phòng Nghiệp vụ,... thuộc Trung tâm,...).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng cho trường học (trừ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý), bệnh viện và tương đương; các đơn vị thuộc, trực thuộc như khoa, phòng.

d) Đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Xét tặng cho các doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép kinh doanh (trừ các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cổ phần hóa, tham gia vào các Khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức), hợp tác xã và các đơn vị thuộc, trực thuộc doanh nghiệp như chi nhánh, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội sản xuất.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao trong năm.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; tổ chức Đảng (nếu có) hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tổ chức đoàn thể (nếu có) đạt loại khá trở lên.

đ) Đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

3. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Đối tượng tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, bao gồm các tập thể thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Quy chế này, trừ các tập thể sau: Các phòng và tương đương thuộc ban, chi cục và tương đương trực thuộc Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương (Phòng Hành chính - Tổ chức, phòng Tài vụ, phòng Nghiệp vụ,... thuộc ban, chi cục,...); các phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp cấp huyện và tương đương (Phòng Hành chính - Tổ chức, phòng Tài vụ, phòng Nghiệp vụ,... thuộc Trung tâm,...).

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể tiêu biểu trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

c) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Tổ chức Đảng (nếu có) phải được phân loại “trong sạch, vững mạnh”; các đoàn thể (nếu có) đạt vững mạnh, cơ quan được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa (nếu thuộc đối tượng được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa).

đ) Đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

3. Số lượng các tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” không quá 50% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tập thể tham gia vào các cụm, khối thi đua do Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thì kết quả thi đua trong năm phải xếp vị thứ cao trong cụm, khối thi đua. Tập thể có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ 03 trở lên (trừ kiêm nhiệm và cá nhân đã nghỉ hưu nhưng tiếp tục công tác) mới xem xét đề nghị danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”. Riêng đối với tập thể có 02 cá nhân nhưng cả 02 cá nhân đều được đánh giá phân loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được xem xét đề nghị tặng thưởng.

4. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 16. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua, cụ thể:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đầu phong trào thi đua của từng cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức.

b) Đơn vị hành chính - sự nghiệp, doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh) và phòng, ban chuyên môn cấp huyện dẫn đầu phong trào thi đua trong từng cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở, ban, ngành tỉnh tổ chức.

c) Cơ quan công tác Đảng, Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể cấp huyện dẫn đầu phong trào thi đua của từng cụm thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể cấp tỉnh tổ chức.

d) Hợp tác xã dẫn đầu phong trào thi đua của từng khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức.

đ) Trường dẫn đầu phong trào thi đua các cấp học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức.

e) Doanh nghiệp, phòng, ban chuyên môn cấp huyện (trừ các doanh nghiệp, phòng, ban đã tham gia cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Sở, ban, ngành tỉnh tổ chức) xã, phường, thị trấn xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua của mỗi huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức.

2. Tập thể được xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Tập thể lao động xuất sắc”.

Riêng đối với tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, đánh giá.

b) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh, dẫn đầu các cụm, khối thi đua; có phong trào thi đua phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực có liên quan; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập.

c) Tổ chức Đảng (nếu có, kể cả sinh hoạt ghép) phải được phân loại “trong sạch, vững mạnh”; các đoàn thể (nếu có) đạt vững mạnh, cơ quan được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa (nếu thuộc đối tượng được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa).

3. Tập thể có thành tích xuất sắc tiêu biểu, dẫn đầu các cụm, khối thi đua nhưng không được xét, suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh có thể xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thành tích xuất sắc tiêu biểu khi tham gia phong trào thi đua (khen thành tích một mặt, một chuyên đề, một nhiệm vụ chính trị).

4. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng cho tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc ủy quyền tổ chức thực hiện theo quy định riêng.

Điều 17. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 11, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bỏ phiếu suy tôn, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ khen thưởng. Số lượng đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và thuộc đối tượng được Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký với Chính phủ và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hằng năm.

Điều 18. Danh hiệu “Gia đình văn hóa” và Danh hiệu “Thôn (Khôỉ phố, Tổ dân phố...) văn hoá”

Việc tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, “Khôỉ phố văn hóa” và tương đương được thực hiện theo quy định tại các Điều 29 và Điều 30 của Luật Thi đua, khen thưởng, hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách

mạng của Đảng và của dân tộc. Đối tượng, thời gian tham gia công tác để xét khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo quy định tại Điều 41, 42, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Điều 10, Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho các cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh; cá nhân, tổ chức người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào sự phát triển của địa phương, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 20. Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 74, 75 và 76, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích được bình xét khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua (theo chuyên đề, theo đợt thi đua), thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, chương trình mục tiêu, Chỉ thị, Nghị quyết, một lĩnh vực công tác.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó khen thưởng khi sơ kết, tổng kết đợt, chuyên đề.

b) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất; dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt; đạt thành tích cao tại các cuộc thi, kỳ thi.

c) Cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh hoặc lĩnh vực khác.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, giá trị đóng góp do địa phương quy định.

4. Việc tặng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 21. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên, phải là đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Thủ trưởng đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị đó phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường; đồng thời đạt một trong những tiêu chuẩn quy định tại Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc trong sơ kết, tổng kết (từ 02 năm trở lên) kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia; các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết chủ trì, phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo đợt, chuyên đề phải được xét chọn trong số cá nhân trực tiếp thực hiện; số lượng khen thưởng tối đa không quá 10 cá nhân đối với tổng kết và không quá 05 cá nhân đối với sơ kết (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Không khen thưởng thành tích thực hiện theo đợt, chuyên đề đối với các đồng chí là lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể, đơn vị và tương đương cấp tỉnh, lãnh đạo huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các hội, đoàn thể, đơn vị và tương đương cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy), Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã, thành phố) khi tham gia các Ban chỉ đạo hội thi, hội diễn, chương trình, dự án, chuyên đề,... (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

Cá nhân là người lao động trực tiếp đã đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực, ngành thuộc tỉnh được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến 05 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng, trong thời gian đó: Có 03 lần được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và chưa được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo công trạng và thành tích đạt được.

Số lượng đề nghị không quá 05% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức (đối với viên chức thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế tỉnh giao Sở Nội vụ hướng dẫn riêng cho phù hợp), người lao động của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó: Công chức, viên chức, người lao động trực tiếp (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) chiếm từ 50% trở lên.

c) Cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động, có thành tích xuất sắc hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển của tỉnh.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng, noi gương học tập trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Công nhân có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có từ 01 sáng kiến trở lên được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận, áp dụng mang lại hiệu quả cho đơn vị và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động. Người đứng đầu đoàn thể cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất, thành tích của nông dân.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, kỳ thi thực hiện theo quy định riêng.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng (nếu có, kể cả sinh hoạt ghép) phải đạt “Trong sạch vững mạnh”, đoàn thể (nếu có) phải đạt vững mạnh; đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị đó phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường; đồng thời đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức.

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc trong sơ kết, tổng kết (từ 02 năm trở lên) kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia; các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết chủ trì phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo đợt, chuyên đề phải được xét chọn trong số tập thể trực tiếp thực hiện; số lượng khen thưởng tối đa không quá 05 tập thể đối với tổng kết và 03 tập thể đối với sơ kết (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Không khen thưởng thành tích thực hiện theo đợt, chuyên đề đối với tập thể là các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị và tương đương cấp tỉnh, Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy), Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

c) Tập thể 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”. Số lượng đề nghị không quá 20% tổng số các tập thể thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện, cấp tỉnh tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển của tỉnh.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất trong các lĩnh vực: An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn, trong một số lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCSHCM cấp xã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu và có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp huyện trong 02 năm liên tục, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp huyện bình chọn.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho thôn (khôỉ phố, tổ dân phố) văn hoá; cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn văn hoá; tộc họ, gia đình văn hoá xuất sắc tiêu biểu.

8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân là người Việt Nam ở ngoài tỉnh, đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có công đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh Quảng Nam trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội hoặc lĩnh vực khác.

Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện (đối với doanh nghiệp và các thành phần kinh tế phải có đóng góp với giá trị từ 500 triệu đồng trở lên); tích cực tham gia và có nhiều đóng góp cho sự thành công tại các hội chợ, trong các hoạt động xúc tiến thương mại và trong các sự kiện chính trị lớn của tỉnh (thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị, cụ thể:

a) Gia đình thuộc các xã miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, bãi ngang, hải đảo có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

b) Gia đình thuộc các xã vùng trung du, đồng bằng, thị trấn thuộc huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, Nông Sơn, Hiệp Đức, Phú Ninh có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

c) Gia đình không thuộc điểm a, b nêu trên có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên.

10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang và đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh.

11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân là gương điển hình tiên tiến lập được thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và noi gương học tập trên địa bàn tỉnh. Trong cùng một thành tích đạt được, cá nhân là gương điển hình tiên tiến chỉ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 Bằng khen (các cơ quan, đơn vị, địa phương không được đề nghị khen thưởng trùng lặp), trừ trường hợp tiếp tục lập được thành tích tiêu biểu xuất sắc sau khi đã được khen thưởng.

Điều 22. Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương

Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, Ngành Trung ương; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo Điều 63, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy Đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập.

b) Thành phần hội đồng gồm: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương làm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Đối với cấp huyện, lãnh đạo Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực; các Phó Chủ tịch còn lại và thành viên do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật; có nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu, giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phong trào thi đua theo thẩm quyền; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ, HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đề nghị:

a) Các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (trừ Huân chương Độc lập cho các gia đình có nhiều liệt sĩ), danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

b) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”; Bằng khen của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh; Huy hiệu tỉnh Quảng Nam; Bằng công nhận. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tế, nhằm động viên, ghi nhận các tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc hoặc có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tặng Thư khen, Thư cảm ơn,...

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, hình thức khen thưởng kháng chiến thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng):

a) Thẩm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp đề nghị khen thưởng: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; Huy hiệu tỉnh Quảng Nam; Bằng công nhận; Thư khen; Thư cảm ơn; danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Huân chương, Huy chương, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích kháng chiến.

b) Thẩm tra hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét các trường hợp đề nghị khen thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Huân chương các loại, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức; các trường hợp đề nghị hiệp y khen thưởng cấp Nhà nước.

Đối với các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của các địa phương khi đề nghị khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên: Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

4. Ban Thường vụ Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy) xét, cho ý kiến trước khi trình khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với các trường hợp sau:

a) Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với tập thể là nhân dân và cán bộ cấp huyện và các tập thể do cấp huyện quản lý (trừ Cờ thi đua của Chính phủ).

b) Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh cho các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy) quản lý.

5. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng thưởng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên

tiên”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Thủ trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các hình thức khen thưởng khác theo thẩm quyền được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Trưởng các đoàn thể của tỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng thưởng Giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Thôn, khu phố, khối phố văn hoá” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng thưởng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hoá” và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

9. Người đứng đầu các tổ chức hội: Chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

10. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khi đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề nghị của mình. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền trước khi Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Quy định về tuyển trình

1. Cấp nào quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, quỹ lương hoặc có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể tỉnh đề nghị khen thưởng thành tích theo cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức (Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với các phòng, ban, đơn vị, hội, đoàn thể cấp huyện phải có văn bản thống nhất đề nghị khen thưởng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong đó, đối với “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng cho các phòng, ban, đơn vị, hội, đoàn thể chuyên môn cấp huyện, trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận

danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, xác nhận tập thể trên đảm bảo đầy đủ tất cả các điều kiện, tiêu chuẩn công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và sẽ đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho tập thể.

2. Việc khen thưởng đại biểu Quốc hội chuyên trách, Đại biểu Hội đồng nhân dân và tập thể, cá nhân thuộc Hội đồng nhân dân các cấp:

a) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh tổng hợp hồ sơ, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh.

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể các Ban và các cá nhân thuộc các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tỉnh.

c) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp hồ sơ, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể các Ban và các cá nhân thuộc các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện chuyên trách.

d) Các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kiêm nhiệm thì do cơ quan, đơn vị quản lý xét, trình khen thưởng.

3. Các trường hợp tổ chức, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng là chính hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp to lớn mới đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

4. Sở, ban, ngành nào được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo đợt, chuyên đề thì Sở, ban, ngành đó chủ trì, phối hợp với cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo đợt, chuyên đề phải được xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và noi gương học tập trên địa bàn tỉnh và phải được thông qua Trường Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó. Các tập thể, cá nhân thuộc cấp huyện quản lý phải có văn bản thống nhất đề nghị khen thưởng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi đề nghị khen thưởng.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất, gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm,... trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt tập thể, cá nhân đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

6. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng, trình cấp trên khen thưởng đối với: Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức cấp tỉnh, Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; Công đoàn đơn vị trực thuộc; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

8. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức cụm, khôi thi đua đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho doanh nghiệp, hợp tác xã dẫn đầu cụm, khôi thi đua.

b) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (trừ “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”), thống nhất thực hiện việc khen thưởng và trình khen thưởng như sau:

Đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc được Chính phủ giao quản lý: Giao cho các Sở, ban, ngành tỉnh quản lý chuyên ngành khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Đối với các doanh nghiệp thuộc Ban Quản lý Khu công nghiệp, Khu kinh tế mở: Giao Ban Quản lý Khu công nghiệp, Khu kinh tế mở xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với các tổ chức kinh tế (do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) có trụ sở đóng trên địa bàn cấp huyện (trừ các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty, Tập đoàn kinh tế do Trung ương quản lý; doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết

định thành lập hoặc được Chính phủ giao quản lý; doanh nghiệp thuộc Ban Quản lý Khu công nghiệp, Khu kinh tế mở).

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

9. Đối với công nhân và nông dân

a) Đối với công nhân:

Công nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” trên địa bàn tỉnh do Liên đoàn Lao động tỉnh tổng hợp, đề nghị khen thưởng.

Công nhân thuộc các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 21, Quy chế này, tuyển trình khen thưởng thực hiện như quy định tại Khoản 8, Điều này.

b) Đối với nông dân:

Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” trên địa bàn tỉnh do Hội Nông dân tỉnh tổng hợp, đề nghị khen thưởng.

Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 21, Quy chế này do Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 26. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các cơ quan Trung ương và người đứng đầu các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh khi có văn bản đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Ủy quyền cho cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (Cờ thi đua, Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ lấy ý kiến hiệp y đề nghị khen thưởng của các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và các đơn vị có liên quan đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên, cụ thể như sau:

a) Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và Thủ trưởng của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, các tập thể, cá nhân có yếu tố nước ngoài và một số trường hợp có liên quan khác nếu cần thiết.

c) Khi có văn bản gửi đến để lấy ý kiến hiệp y, sau 03 ngày làm việc đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân

dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, sau 05 ngày làm việc đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận văn bản) cơ quan được lấy ý kiến hiệp ý có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tiến hành các thủ tục trình khen thưởng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được xin ý kiến hiệp ý chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 27. Thời gian xét khen thưởng và trình khen thưởng

1. Thời gian xét khen thưởng hằng năm (trừ khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất, đối ngoại, đóng góp và khen thưởng quá trình công hiến) được thực hiện khi kết thúc năm công tác (năm hành chính). Riêng đối với ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc xét tặng khi kết thúc năm học.

2. Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hằng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Trung tâm Hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh) trước ngày **28/02** năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày **10/8** hằng năm. Quá thời gian trên không tiếp nhận và trả về cơ quan, đơn vị, địa phương (trừ trường hợp đặc biệt có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen thưởng đột, chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 03 ngày làm việc.

Riêng đối với hồ sơ đề nghị “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và Bằng khen cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức không thực hiện việc tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh, giao Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tiếp nhận.

3. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hằng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày **30/01** năm sau; khen thưởng công tác đền ơn đáp nghĩa, khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc trước ngày **15/6** hằng năm; khen thưởng năm học ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày **15/8** hằng năm.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm xử lý hồ sơ đề nghị khen thưởng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng, viết bằng, giấy chứng nhận trong phạm vi không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải thông báo, trả lại cho đơn vị trình khen thưởng trước 05 ngày làm việc.

Điều 28. Hồ sơ thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện

theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 29. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Mỗi trường hợp được khen thưởng phải được tổ chức lễ trao tặng và đón nhận một lần. Nếu có nhiều trường hợp gồm tập thể, cá nhân được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận tập thể trước sau đó đến cá nhân chung một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương, ngày lễ lớn của đất nước hoặc nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua thì kết hợp tổ chức trao tặng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; trao tặng Huân chương các loại cho các đồng chí là Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cá nhân là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Việc công bố quyết định khen thưởng và điều hành trao thưởng giao Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thực hiện.

Các đối tượng, các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ. Việc công bố quyết định khen thưởng và điều hành trao thưởng do cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện (trường hợp đặc biệt thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Chương VI QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 30. Nguồn và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, của cấp huyện, cấp xã, của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Chương VI, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh

Hàng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành với mức tối đa bằng 1,0% chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng cấp huyện

Hàng năm, Phòng Nội vụ cấp huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách cấp huyện. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1,0% (riêng đối với các huyện miền núi mức trích tối đa 1,5%) chi thường xuyên ngân sách của cấp mình.

Căn cứ tình hình thi đua, công tác khen thưởng năm trước và dự kiến kế hoạch, Phòng Nội vụ cấp huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

3. Quỹ thi đua khen thưởng của Sở, ban, ngành tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài. Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, Điều 65, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 31. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng:

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quản lý và sử dụng.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm theo các quyết định khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng).

b) Chi: In giấy công nhận, chứng nhận, giấy khen, bằng khen; làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng; nhận, vận chuyển hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng.

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, gồm:

Chi tổ chức các hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong chương trình đã đề ra.

Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Chi phát động các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng theo cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng do cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

3. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước cho các tập thể, cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng; các cá nhân thuộc tỉnh quản lý (do Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị) được phong tặng danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân (nhân dân và ưu tú); Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ các nội dung thực hiện chi thưởng theo quy định tại Điểm b, Khoản này) chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Tiền thưởng kèm theo danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, khen thưởng thường xuyên, hằng năm) do cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng thực hiện chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do cơ quan chuyên môn cấp trên ở Trung ương khen thưởng nhưng không thực hiện việc chi tiền thưởng thì: Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể nào ở cấp tỉnh đề nghị khen thưởng thì chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua khen thưởng do mình quản lý.

4. Khen thưởng đối ngoại; khen thưởng thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp, ủng hộ các quỹ, hoạt động xã hội dưới hình thức tự nguyện; khen thưởng các tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm.

5. Khen thưởng thành tích thực hiện chương trình mục tiêu, dự án được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu, dự án đó.

Điều 32. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

b) Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và 74, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

3. Mức tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm thực hiện theo quy định, trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Mức tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao tại các cuộc thi, kỳ thi quốc gia, khu vực Đông Nam Á, châu lục và quốc tế và trong phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới” thực hiện theo quy định riêng.

Chương VII

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ TRONG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; HỦY BỎ, TƯỚC HOẶC PHỤC HỒI DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hủy bỏ quyết định khen thưởng; thủ tục hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 75, 76 và 77, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 34. Hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước hoặc phục hồi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hủy bỏ quyết định khen thưởng; thủ tục hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 78 và 79, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

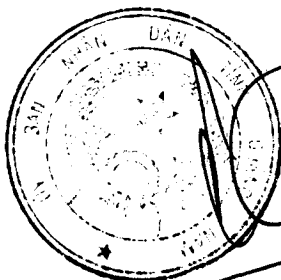
Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện.

Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các quy định trong Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này; hướng dẫn thực hiện việc khen thưởng trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh, ngành Y tế tỉnh, các tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức hội và trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Quy chế. *ln*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu